

Bản án số 44/2023/HS-ST  
Ngày 30/5/2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Giáp Quang Huy.

*Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Thiện; 2. Ông Nguyễn Quốc Sửu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án huyện T, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên tòa:** Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 30/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2023/TLST-HS ngày 17/4/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-HS ngày 09/5/2023, đối với bị cáo:

**Họ và tên:** Phạm Phú Đ, sinh năm 1970 (tên gọi khác: Không); nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn Nh, huyện T, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Phú Ngữ (đã chết) và bà: Phạm Thị V (đã chết); vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971; con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2021/HS-ST ngày 13/7/2021 của Tòa án huyện T xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/10/2022; tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 102/QĐ-XPHC ngày 07/6/2021 của Công an huyện T phạt 2.250.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”(chưa nộp tiền phạt); nhân thân: Ngày 05/02/1999, Công an huyện T bắt, lập DCB số 162 về việc cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tuy nhiên tại Công an huyện T không có thông tin, hồ sơ lưu trữ theo DCB trên. Ngày 19/10/2009, Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định số 3856/QĐ-UBND về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với người nghiện ma túy trong thời hạn 24 tháng (chấp hành xong ngày 21/10/2011). Ngày 22/02/2012, Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định số 184/QĐ-UBND về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với người nghiện ma túy trong thời hạn 12 tháng (chấp hành xong ngày 27/02/2013). Ngày 11/10/2016, Tòa án huyện T ra Quyết định số 04/2016/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng (đã chấp hành xong). Ngày

07/12/2020, Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành nộp phạt xong ngày 08/12/2020). Ngày 31/12/2020, Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành nộp phạt xong ngày 15/01/2021). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ngô Văn L, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ , thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn Nh, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*** Khoảng 08 giờ 10 phút ngày 05/01/2023, Tổ công tác Công an huyện T làm nhiệm vụ tại đoạn đường thuộc tổ dân phố Đình Giã, thị trấn C, huyện T (gần cổng Trung tâm Y tế huyện T) thì phát hiện Phạm Phú Đ đứng ở vỉa hè có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu kiểm tra phát hiện Phạm Phú Đ đang có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổ công tác Công an huyện T tiến hành lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang. Vật chứng thu bao gồm: Thu giữ tại túi quần phía trước bên trái Đ đang mặc 01 gói giấy màu trắng, bên trong có 03 đoạn ống nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu, bên trong mỗi đoạn đều đựng chất cục bột màu trắng nghi là ma túy Heroine (được niêm phong trong phong bì ký hiệu “QT”); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng-vàng đã qua sử dụng, mặt kính có vết nứt vỡ, số IMEI: 869770028428835, lắp sim điện thoại số 0877.420.977. Thu giữ tại túi quần phía trước bên phải Đ đang mặc 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng (được niêm phong trong phong bì ký hiệu “Tiền”). Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Phú Đ tại tổ dân phố L, thị trấn Nh, huyện T nhưng không phát hiện, thu giữ gì liên quan đến vụ án. Sau khi bắt quả tang, Cơ quan điều tra đã test nhanh ma túy đối với Phạm Phú Đ, kết quả Đ dương tính với ma túy Heroine. Ngày 05/01/2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định số vật chứng được niêm phong ký hiệu “QT”. Tại Kết luận giám định số 52/KL-KTHS ngày 09/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: *Trong 01 phong bì ký hiệu “QT” đã được niêm phong gửi giám định, chất cục bột màu trắng đựng trong 03 đoạn ống nhựa màu trắng, được hàn kín hai đầu, được đựng trong 01 gói giấy màu trắng là ma túy, có khối lượng 0,158 gam, loại Heroine.*

Quá trình điều tra, Phạm Phú Đ khai nhận: Nguồn gốc ma túy bị thu giữ khi bắt quả tang do Đ là người nghiện ma túy, nên khoảng 07 giờ ngày 05/01/2023, khi Đ đang

ở nhà bà ngoại thì có Ngô Văn L gọi điện bảo đến nhà Đ chơi, Đ đi về nhà thì gặp L đi xe mô tô đến. L hỏi vay Đ 1.000.000 đồng nhưng do Đ không có tiền nên Đ gọi điện cho vợ là Nguyễn Thị Th đang bán hàng ở chợ Mọc, thị trấn C và bảo cho L vay 1.000.000 đồng, sau đó Đ bảo L xuống gặp chị Th để lấy tiền nhưng L nói ngại và L rủ Đ đi cùng, Đ đồng ý. L điều khiển xe mô tô chở Đ xuống chợ Mọc, Đ vào trong chợ gặp chị Th lấy tiền còn L đi đâu Đ không biết. Đ lấy tiền xong ra đưa cho L vay 1.000.000 đồng, sau đó L chở Đ về đến khu vực khu vực gần cổng Trung tâm Y tế huyện T, L bảo Đ xuống xe đợi L vào uống thuốc, L đưa cho Đ 01 gói giấy màu trắng bảo Đ cầm, Đ biết bên trong gói giấy là ma túy nhưng không rõ số lượng bao nhiêu, Đ cất vào túi quần phía trước bên trái đang mặc rồi đứng đợi L thì bị Công an huyện T đến kiểm tra, phát hiện bắt quả tang và lập biên bản thu giữ gói ma túy của Đ. Ngoài ra, Đ còn khai nhận buổi tối ngày 04/01/2023 tại ven đường Quốc Lộ 17, đoạn qua thôn Thượng Đôn, xã Liên Sơn, Đ mua 100.000 đồng được 01 gói ma túy Heroine của một người đàn ông không quen biết, sau đó mang về sử dụng hết.

Cơ quan điều tra tiến hành đấu tranh với Ngô Văn L nhưng L chỉ thừa nhận sáng ngày 05/01/2023 có gặp Đ tại khu vực cổng Trung tâm Y tế huyện T khi L đi uống thuốc Methadone, L không thừa nhận đưa ma túy cho Đ như Đ đã khai. Cơ quan điều tra tiến hành cho Đ đối chất với L nhưng cả hai giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của Đ, không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc L đưa ma túy cho Đ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với L.

Đối với người bán ma túy cho Đ vào ngày 04/01/2023, do Đ không biết tên, tuổi và địa chỉ của người bán ma túy này. Cơ quan điều tra đã phối hợp với Công an xã Liên Sơn tiến hành rà soát camera an ninh, xác minh đối tượng nhưng không xác định được người bán ma túy cho Đ là ai nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 04/01/2023 của Phạm Phú Đ, ngày 31/3/2023 Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 2.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Phú Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 14/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Phạm Phú Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, Phạm Phú Đ đã khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố.

**\*Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm luận tội:** Giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Phạm Phú Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đề xuất: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

- Về hình phạt: Xử phạt Phạm Phú Đ từ 01 năm 8 tháng tù đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 0,125 gam ma túy, loại Heroine hoàn lại sau giám định đựng trong phong bì ký hiệu “QT” được niêm phong lại bằng hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang.

Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng-vàng đã qua sử dụng, mặt kính có vết nứt vỡ, số IMEI1: 869770028428835, lắp sim điện thoại số 0877.420.977; 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng.

- Về án phí: Do bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định pháp luật.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về quan điểm luận tội của Viện kiểm sát;

- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:***

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội, nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 08 giờ 10 phút ngày 05/01/2023, tại tổ dân phố Đình Giã, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang, tổ công tác của Công an huyện T phát hiện và bắt quả tang Phạm Phú Đ đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,158 gam ma túy Heroine, mục đích sử dụng cho bản thân. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Đ có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do đó Viện kiểm sát huyện T truy tố Phạm Phú Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo: Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội của địa phương và đây cũng là nguyên nhân chính làm phát sinh các loại tội phạm khác. Bị cáo là người nhân thân xấu do bị Cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng nhiều biện pháp xử lý hành chính về hành vi “Xử dụng trái phép chất ma túy”, do đó hành vi

phạm tội mà bị cáo thực hiện phải được xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự và cần phải áp dụng một mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội để cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, mới có đủ điều kiện để cải tạo bị cáo thành người biết tuân thủ pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 39 ngày 13/7/2021 của Tòa án huyện T xử phạt bị cáo Đ 01 năm 08 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/10/2022 (chưa được xóa án tích) và có tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 102 ngày 07/6/2021 của Công an huyện T phạt 2.250.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (chưa nộp tiền phạt) nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Song quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng, kinh tế gia đình khó khăn, bản thân bị cáo nghiện ma túy, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Vật chứng là 0,125 gam ma túy loại Heroine hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. Vật chứng là 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng-vàng đã qua sử dụng, mặt kính có vết nứt vỡ, số IMEI1869770028428835, lắp sim số 0877.420.977 và 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng là tài sản của bị cáo, không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại bị cáo.

[6] Về án phí: Do bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ, điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Phú Đ 01 năm 8 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2023.

2. Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ký hiệu “QT” được niêm phong bằng hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, có chữ ký của giám định

viên và đại diện cơ quan trung cầu, bên trong có ma túy loại Heroine còn lại sau giám định có trọng lượng 0,125 gam.

Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng-vàng đã qua sử dụng, mặt kính có vết nứt vỡ, số IMEI1: 869770028428835, lắp sim số 0877.420.977 và tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng.

3. Án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng các bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TA tỉnh Bắc Giang;
- VKS huyện T;
- Công an huyện T;
- THA huyện T;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Giáp Quang Huy**

